

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-PT

Ngày 14/02/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổ hợp tác bơm tưới bằng điện ô 1 – 2 - 4 ấp 3,4 (Tổ hợp tác ô 1-2-4); địa chỉ: ấp 3 - ấp 4, xã PT, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1949; địa chỉ: ấp 4, xã Phong Mỹ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông T là chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 96, Tổ 4, ấp An Đ, xã An B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản ngày 19/01/2022);

2. Bị đơn: Hà Văn K, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp 4, xã PT, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1984;

3.2. Hà Hồng H, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã PT, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà D và chị H: Ông Hà Văn K, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp 4, xã PT, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản ngày 28/07/2022).

- Người kháng cáo: Hà Văn K

(Chị Q và ông K có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Tổ hợp tác bơm tưới bằng điện ô 1 – 2 - 4 ấp 3,4 ủy quyền cho chị Phan Thị Thảo Q trình bày: Tổ hợp tác bơm tưới bằng điện ô 1 – 2 - 4 ấp 3,4 (Tổ hợp tác ô 1-2-4) phục vụ bơm tưới cho bà con nông dân để canh tác lúa nằm trong diện ô bao khu ấp 3 - ấp 4, xã PT, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, trong đó có diện tích đất 14.500m² của hộ ông Hà Văn K.

Ông Hà Văn K và Tổ hợp tác ô 1-2-4 có thỏa thuận bơm tưới cho phần đất của hộ ông K với giá 25kg/vụ/1.000m², mỗi vụ hộ ông K phải trả là 14.500m² x 25kg/vụ/1.000m² = 362,5kg lúa; hai bên thống nhất một năm có 03 vụ lúa, giá lúa là 6.000đồng/kg.

Từ năm 2019 đến nay (10,5 vụ lúa), hộ ông K không thực hiện trả tiền bơm nước cho Tổ hợp tác ô 1-2-4, tổng cộng hộ ông K còn nợ là 22.837.500 đồng; Tổ hợp tác ô 1-2-4 đã nhiều lần yêu cầu hộ ông K trả số tiền trên nhưng hộ ông K không trả. Nay Tổ hợp tác ô 1-2-4 yêu cầu ông Hà Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ D và chị Hà Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thủy lợi phí còn nợ cho Tổ hợp tác ô 1-2-4 là 22.837.500đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Tổ hợp tác ô 1-2-4 xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là Tổ hợp tác ô 1-2-4 chỉ yêu cầu ông Hà Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ D và chị Hà Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thủy lợi phí còn nợ cho Tổ hợp tác ô 1-2-4 là 21.750.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Hà Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D và chị Hà Hồng H (bà D và chị H cùng ủy quyền cho ông K) trình bày: Ông thừa nhận có canh tác diện tích đất 14.500m², phần đất này nằm trong ô bao do Tổ hợp tác ô 1-2-4 bơm tưới và ông có ký hợp đồng bơm tưới với Tổ hợp tác ô 1-2-4. Tuy nhiên, hộ của ông K không có sử dụng nước của Tổ hợp tác ô 1-2-4, vì đất của ông là đất gò và đất lung, Tổ hợp tác ô 1-2-4 bơm nước không tới đất của ông nên ông tự đặt máy bơm nước. Nay ông K, bà D và chị H không đồng ý theo yêu cầu của Tổ hợp tác ô 1-2-4.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác ô 1-2-4.

+ Buộc ông Hà Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ D và chị Hà Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổ hợp tác ô 1–2-4 số tiền 21.750.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Về án phí:

Ông Hà Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ D và chị Hà Hồng H phải liên đới chịu 1.087.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tổ hợp tác ô 1 – 2 - 4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 570.000 đồng theo biên lai số 0009297 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ngày 30/8/2022 Ông Hà Văn K kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông K phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm Chị Q phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dịch vụ (bơm tưới) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông K yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, ông K không đồng ý trả số tiền 21.750,000đ cho Tổ hợp tác ô 1-2-4 do hộ ông K không sử dụng nước của Tổ hợp tác, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông K và người đại diện của Tổ hợp tác ô 1-2-4 đều thừa nhận là giữa Tổ hợp tác và ông K có ký kết hợp đồng vào năm 2018 (không có số và không ghi ngày tháng) và thừa nhận diện tích sản xuất lúa của hộ ông K là 14.500m², Thửa đất số 19 và Thửa đất số 39, mức thu 362,5kg lúa/01 vụ.

Ông K cho rằng gia đình ông K không có sử dụng nước của Tổ hợp tác ô 1-2-4 để bơm tưới cho đất lúa của ông, do đất của ông K 01 thửa là đất gò và 01 thửa là đất lung, Tổ hợp tác ô 1-2-4 bơm nước không tới đất của ông K mà ông K phải tự đặt máy bơm nước lúa của ông.

Tuy nhiên ông K không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là ông K có thông báo với Tổ hợp tác ô 1-2-4 hoặc báo với chính quyền địa phương về việc không sử dụng được nước của Tổ hợp tác ô 1-2-4 để hai bên

tìm cách khắc phục, xử lý. Ông K trình bày có điện thoại cho ông T – Tổ trưởng Tổ hợp tác ô 1-2-4, còn bên ông T trình bày không có nhận được thông tin gì từ hộ ông K. Ngoài ra ông K trình bày là không có thông báo cho Tổ hợp tác ô 1-2-4 về việc ông sử dụng máy bơm của cá nhân ông để bơm nước cho lúa của ông K tại Thửa 19 và Thửa 39.

Ông K cung cấp Biên bản lấy ý kiến các hộ dân ngày 25/8/2022 là sau ngày xét xử sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét. Trường hợp nếu ông K cho rằng Tổ hợp tác ô 1-2-4 gây thiệt hại cho ông thì ông K khởi kiện bằng vụ án khác.

Do đó, không có cơ sở để xác định Tổ hợp tác ô 1-2-4 có lỗi trong việc phục vụ bơm tưới theo hợp đồng đã ký kết với ông K.

Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác ô 1-2-4, buộc ông K, bà D, chị H liên đới trả cho Tổ hợp tác ô 1-2-4 số tiền thủy lợi phí 21.750.000đ là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn K.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 429, 513, 515, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác bơm tưới bằng điện ô 1 - 2 - 4 áp 3,4.

Buộc ông Hà Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ D và chị Hà Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho Tổ hợp tác bơm tưới bằng điện ô 1 - 2 - 4 áp 3,4 số tiền 21.750.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Hà Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ D và chị Hà Hồng H phải liên đới chịu 1.087.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0009702 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Tổ hợp tác bơm tưới bằng điện ô 1 - 2 - 4 ấp 3,4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 570.000đồng theo biên lai số 0009297 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông